

Bản án số: 70/2026/DS-ST
Ngày: 17– 8 - 2026
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thạch Thanh Long

Ông Thạch An Bình

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Phước Thành là Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 347/2026/TLST-DS ngày 16/6/2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2026/QĐXXST-DS ngày 16/7/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 296/2026/QĐST-DS ngày 07/8/2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Bùi Thị L, sinh năm 1957; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ Đ (nay là ấp T H), xã N L, tỉnh Vĩnh Long.

- **Bị đơn:** Ông Lê Minh D, sinh năm 1982; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ H (nay là ấp L S), xã Nhị Long, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án của bà Bùi Thị L là nguyên đơn như sau:**

Bà L có cho ông Lê Minh D vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Vào ngày 15/5/2024 (Âm lịch) bà L cho ông D vay số tiền 100.000.000 đồng. Bà L giao tiền cho ông D nhận 01 lần với số tiền 100.000.000

đồng tại nhà bà L ở ấp Đại Đức, xã Nhị Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Lần thứ hai: Vào ngày 23/6/2024 (Âm lịch) bà L tiếp tục cho ông D vay số tiền vốn 100.000.000 đồng. Bà L giao tiền cho ông D nhận một lần với số tiền 100.000.000 đồng tại nhà bà L ở ấp Đ Đ, xã N L, tỉnh Vĩnh Long.

Tổng cộng 02 lần ông D vay tiền của bà L là 200.000.000 đồng. Mục đích ông D vay tiền là để đầu tư xây dựng chuồng trại chăn nuôi heo. Khi ông D vay tiền của bà L đều có làm biên nhận nợ và ký tên, biên nhận tiền do bà L cất giữ. Khi vay tiền hai bên không ấn định cụ thể thời gian trả vốn, riêng tiền lãi thì không có ghi lãi suất trong biên nhận tiền mà thỏa thuận bằng lời nói sẽ thanh toán hàng tháng theo mức lãi suất 2%/tháng. Kể từ khi vay tiền đến nay ông D có đóng lãi cho bà L được số tiền 7.000.000 đồng, thời gian đóng lãi thì bà L không nhớ. Ông D chưa trả vốn cho bà L. Bà L cũng đã nhiều lần yêu cầu ông D trả tiền vốn và tiền lãi nhưng ông D hứa hẹn mà không thực hiện.

Nay bà L yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 11 - tỉnh Vĩnh Long giải quyết buộc ông Lê Minh D trả lại số tiền vốn gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng kể từ ngày 23/06/2024 (Âm lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 17/8/2026 (nhằm ngày 06/7/ 2026 (Âm lịch).

- Ông Lê Minh D là bị đơn vắng mặt và không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát:

Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng.

Đối với đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Tuy nhiên bị đơn chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự còn vắng mặt trong các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và phiên xét xử mặc dù được Tòa án triệu tập họp lệ.

Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các điều 26, 39; 92, 147, 157, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Áp dụng các Điều 357, Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L. Buộc ông Lê Minh D phải trả cho bà Bùi Thị L số tiền vốn gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 23/06/2024 (Âm lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 17/8/2026 (nhằm ngày 06/7/ 2026 (Âm lịch).

Các đương sự phải chịu án phí và nghĩa vụ chậm thi hành án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Lê Minh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông D.

Về quan hệ pháp luật: Bà Bùi Thị L khởi kiện ông Lê Minh D để yêu cầu trả tiền vay. Ông D hiện sinh sống tại địa chỉ ấp L S, xã N L, tỉnh Vĩnh Long nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 26, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Bùi Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Minh D trả số tiền vay 200.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi với lãi suất 1,66%/tháng kể từ ngày 23/06/2024 (Âm lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm.

Đối với ông Lê Minh D không cung cấp ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L, Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án, bà Bùi Thị L có cung cấp 02 hợp đồng vay tiền bằng văn bản giữa bà Bùi Thị L và ông Lê Minh D lập vào ngày 15/5/2024 (Âm lịch) và ngày 23/6/2024 với nội dung ông Lê Minh D có vay của bà Bùi Thị L (tên thường gọi là bà Tám Cung), mỗi lần vay với số tiền 100.000.000 đồng, tổng cộng là 200.000.000 đồng. Trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho ông D về những tài liệu, chứng cứ và yêu cầu khởi kiện của bà L nhưng ông D không cung cấp ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của bà L. Như vậy đây là

những tình tiết bà L không cần chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó xét thấy việc ông D vay tiền và chưa trả cho bà L là có thật, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L buộc ông D phải trả cho bà L số vốn gốc là 200.000.000 đồng.

[4] Về tiền lãi, Hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng vay tiền giữa bà L với ông D là hợp đồng vay không có kỳ hạn và có lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất. Do đó, việc bà L yêu cầu tính lãi của số tiền vay 200.000.000 đồng với mức lãi suất 1,66%/tháng là chưa phù hợp, cần điều chỉnh lãi suất phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tiền lãi được tính như sau: $200.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 02 \text{ năm} \times 12 \text{ tháng} = 40.946.667 \text{ đồng}$ trừ 7.000.000 đồng bà L đã nhận, số tiền lãi còn lại là 33.946.667 đồng.

[5] Ngoài ra tại phiên tòa, bà L xác định việc cho vay tiền là giao dịch riêng giữa bà L, ông D. Bà L không yêu cầu người nào khác cùng có nghĩa vụ trả nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Từ những cơ sở trên, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L, buộc ông Lê Minh D phải trả cho bà Bùi Thị L tổng cộng là 233.946.667 đồng.

[7] Về án phí: Do bà L được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Đồng thời căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Xét thấy quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 39, 92, 147, 227, 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ các điều 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L. Buộc ông Lê Minh D phải có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị L số tiền 233.946.667 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc ông Lê Minh D nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 11.697.300 đồng. Bà Bùi Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71, 72 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (Phòng GĐKT);
- VKSND khu vực 11 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Tùng